

**CÂU HỎI-ĐÁP ÁN THI TRỰC TUYẾN**  
**“TÌM HIỂU VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022”**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BTC ngày / /2022 của BCT Cuộc thi)

**Câu 1: Theo Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 của huyện Ia Grai, nội dung nào sau đây là mục tiêu đến năm 2025 trong Cải cách chế độ công vụ?**

A. 75% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 25% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

B. 85% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

C. 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

**Đáp án C:** theo tiết a điểm 2 khoản III Điều 1 Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện.

**Câu 2. Theo quy định của Luật cán bộ, công chức năm 2008, có bao nhiêu nguyên tắc trong thi hành công vụ của cán bộ, công chức?**

A. 4

B. 5

C. 6

**Đáp án B.** Theo Điều 3 Luật Cán bộ, công chức năm 2008.

**Câu 3: Theo quy định của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức; công chức bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc thì:**

A. Chưa được hưởng chế độ thôi việc.

B. Vẫn được hưởng chế độ thôi việc.

C. Không được hưởng chế độ thôi việc.

**Đáp án C.** Theo điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ.

**Câu 4: Theo quy định của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức; trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đã bị xử lý kỷ luật đảng thì hình thức kỷ luật hành chính:**

A. Phải ngang bằng so với kỷ luật đảng.

B. Phải nhẹ hơn một mức so với kỷ luật đảng.

C. Phải bảo đảm ở mức độ tương xứng với kỷ luật đảng.

**Đáp án C.** Theo khoản 6 Điều 2 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ.

**Câu 5: Theo quy định của Luật cán bộ, công chức năm 2008; nguyên tắc nào không phải là nguyên tắc trong thi hành công vụ?**

A. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ trách nhiệm cá nhân và phân công, phân cấp rõ ràng

B. Tuân thủ Hiến pháp và Pháp luật.

C. Bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

**Đáp án A.** Theo Điều 3 Luật cán bộ, công chức năm 2008.

**Câu 6. Theo quy định của Luật cán bộ, công chức năm 2008, có bao nhiêu nội dung quy định cán bộ, công chức không được làm liên quan đến đạo đức công vụ?**

A. 4

B. 5

C. 6

**Đáp án A.** Theo điều 18 Luật Cán bộ, công chức năm 2008.

**Câu 7. Theo Luật cán bộ, công chức năm 2008; quy định ngạch, chức danh, mã số công chức; mô tả, quy định vị trí việc làm và cơ cấu công chức để xác định số lượng biên chế là nội dung nào dưới đây?**

A. Tuyển dụng công chức.

B. Quản lý cán bộ, công chức.

C. Phân loại công chức.

**Đáp án B.** Theo Điều 65 Luật cán bộ, công chức năm 2008.

**Câu 8. Luật cán bộ, công chức năm 2008 quy định việc sử dụng, đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức phải dựa trên:**

A. Nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

B. Nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ trách nhiệm cá nhân.

C. Phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực thi hành công vụ.

**Đáp án C.** Theo khoản 4 Điều 5 Luật cán bộ, công chức năm 2008.

**Câu 9. Theo quy định của Luật cán bộ, công chức năm 2008, đâu không phải là nghĩa vụ của cán bộ, công chức đối với Đảng, Nhà nước và Nhân dân?**

A. Đại diện quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân.

B. Tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân.

C. Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân.

**Đáp án A.** Theo Điều 8 Luật cán bộ, công chức năm 2008.

**Câu 10. Theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2014/nđ-cp ngày 05 tháng 5 năm 2014 của chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Căn cứ số lượng phòng chuyên môn được thành lập và tổng số lượng Phó Trưởng phòng, cơ quan ra quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng phòng của từng Phòng chuyên môn cho phù hợp là:**

A. HĐND cấp huyện.

B. UBND cấp huyện.

C. UBND cấp tỉnh.

**Đáp án B.** Theo khoản 3 Điều 1 Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ.

**Câu 11: Theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức năm 2019; Thẩm quyền quy định chính sách trọng dụng và đãi ngộ đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do cấp tỉnh quản lý.**

A. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

B. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

C. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

**Đáp án A.** Theo khoản 2 Điều 1, Luật Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức năm 2019.

**Câu 12. Theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức năm 2019, có bao nhiêu hình thức kỷ luật đối với công chức giữ chức vụ, lãnh đạo, quản lý?**

A. 4

B. 5

C. 6

**Đáp án B.** Theo khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức năm 2019.

**Câu 13. Văn bản quy phạm pháp luật là gì?**

A. là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

B. là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, không ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định.

C. là văn bản được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định.

**Đáp án A.** căn cứ Khoản 1, Điều 2, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015

**Câu 14. Theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Cơ quan nào thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân huyện trước khi trình?**

A. Phòng Nội vụ

B. Phòng Tư pháp

C. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

**Đáp án B.** Khoản 1, điều 139, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015

**Câu 15. Theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Thời gian niêm yết Văn bản quy phạm pháp luật là bao nhiêu ngày?**

A. 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết

B. 30 ngày kể từ ngày niêm yết

C. 30 ngày kể từ ngày ký ban hành

**Đáp án A.** Điều 97, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

**Câu 16. Theo Nghị định 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ có bao nhiêu nguyên tắc rà soát, hệ thống hóa văn bản?**

A. 3

B. 4

C. 5

**Đáp án A.** Điều 138, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

**Câu 17. Nghị định 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 34/2016/NĐ-CP, ngày 14/5/2016 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực ngày, tháng, năm nào?**

- A. Ngày 01 tháng 7 năm 2021
- B. Ngày 01 tháng 01 năm 2021
- C. Ngày 01 tháng 10 năm 2021

**Đáp án B** điều 3 nghị định số 154/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ

**Câu 18. Mục đích theo dõi tình hình thi hành pháp luật là gì?**

A. Theo dõi tình hình thi hành pháp luật nhằm xem xét, đánh giá thực trạng thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

B. Theo dõi tình hình thi hành pháp luật nhằm đánh giá thực trạng thi hành pháp luật, kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật.

C. Theo dõi tình hình thi hành pháp luật nhằm xem xét, đánh giá thực trạng thi hành pháp luật, kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

**Đáp án C.** theo Điều 3 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

**Câu 19. Theo Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 của Bộ Tư pháp quy định, Quyết định thành lập đoàn kiểm tra theo dõi tình hình thi hành pháp luật bao gồm những nội dung nào?**

A. Nội dung, kế hoạch làm việc của đoàn kiểm tra, thành phần đoàn kiểm tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra.

B. Ngày, tháng, năm ban hành quyết định; căn cứ ban hành quyết định; đối tượng kiểm tra; nội dung kiểm tra; họ, tên, chức vụ của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn và các thành viên; quyền hạn và trách nhiệm của đoàn kiểm tra; quyền hạn và trách nhiệm của đối tượng được kiểm tra

C. Ngày, tháng, năm ban hành quyết định; căn cứ ban hành quyết định, nội dung, kế hoạch làm việc của đoàn kiểm tra, thành phần đoàn kiểm tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra.

**Đáp án B.** theo điểm b, khoản 3, điều 4, Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số [59/2012/NĐ-CP](#) ngày 23 tháng 7 năm 2012 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [59/2012/NĐ-CP](#) ).

**Câu 20. Nội dung theo dõi thi hành pháp luật đối với lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2022 trên địa bàn huyện Ia Grai bao gồm những lĩnh vực nào?**

A. Tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19; lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường

B. Tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19; an toàn thực phẩm.

C. Quản lý, sử dụng đất đai; rừng; phòng cháy và chữa cháy.

**Đáp án A.** theo Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 27/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện Ia Grai về theo dõi thi hành pháp luật và quản lý về xử lý vi phạm hành chính năm 2022 trên địa bàn huyện Ia Grai.

**Câu 21. Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật gồm bao nhiêu điều?**

- A. 5 điều.
- B. 3 điều.
- C. 6 điều.

**Đáp án B.** theo Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

**Câu 22. Theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Có bao nhiêu nguyên tắc theo dõi tình hình thi hành pháp luật?**

- A. 4 nguyên tắc.
- B. 5 nguyên tắc.
- C. 6 nguyên tắc.

**Đáp án B.** theo Điều 4 nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

**Câu 23. Theo Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 của Bộ Tư pháp quy định, thông báo kết luận kiểm tra phải gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân được kiểm tra trong thời gian bao nhiêu ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra?**

- A. Chậm nhất là 15 ngày
- B. 10 ngày
- C. 7 ngày

**Đáp án A.** điểm e, khoản 3, điều 4, Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số [59/2012/NĐ-CP](#) ngày 23 tháng 7 năm 2012 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [59/2012/NĐ-CP](#).

**Câu 24. Giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh là gì?**

- A. là việc Chính phủ làm rõ tinh thần, nội dung của điều, khoản, điểm trong Hiến pháp, luật, pháp lệnh để có nhận thức, thực hiện, áp dụng đúng, thống nhất pháp luật.
- B. là việc Ủy ban thường vụ Quốc hội làm rõ tinh thần, nội dung của điều, khoản, điểm trong Hiến pháp, luật, pháp lệnh để có nhận thức, thực hiện, áp dụng pháp luật
- C. là việc Ủy ban thường vụ Quốc hội làm rõ tinh thần, nội dung của điều, khoản, điểm trong Hiến pháp, luật, pháp lệnh để có nhận thức, thực hiện, áp dụng đúng, thống nhất pháp luật.

**Đáp án C** khoản 3, điều 3, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015

**Câu 25. Trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh Gia Lai, dịch vụ công trực tuyến “Đăng ký thành lập hộ kinh doanh” do cơ quan có thẩm quyền nào giải quyết?**

- A. Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện;
- B. Phòng Kinh tế - Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện;
- C. Phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện

**Đáp án: A** Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ.

**Câu 26. Trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh Gia Lai, thời hạn giải quyết dịch vụ công trực tuyến “Đăng ký thành lập hộ kinh doanh” là bao nhiêu ngày ?**

- A. 7 ngày làm việc
- B. 5 ngày làm việc

C. 3 ngày làm việc

**Đáp án: C.** Theo quy định tại Khoản 3 Điều 87 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

**Câu 27. Theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, nhiệm vụ tiếp tục cải thiện điểm số và thứ hạng các chỉ số môi trường kinh doanh năm 2022 gồm những nội dung nào?**

A. Cấp giấy phép đăng ký kinh doanh.

B. Cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan; Bảo vệ nhà đầu tư; Tiếp cận điện năng; Đăng ký tài sản.

C. Khởi sự kinh doanh; Nộp thuế và bảo hiểm xã hội; Cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan; Tiếp cận tín dụng; Bảo vệ nhà đầu tư; Tiếp cận điện năng; Đăng ký tài sản; Giao dịch thương mại qua biên giới; Giải quyết tranh chấp hợp đồng; Giải quyết phá sản doanh nghiệp.

**Đáp án: C.** Theo quy định tại điểm 3 Mục III, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**Câu 28. Thành phần hồ sơ của thủ tục “Hồ sơ đăng ký mã số ĐVQHNS cho các dự án đầu tư tại giai đoạn chuẩn bị đầu tư” bao gồm những gì?**

A. Tờ khai đăng ký mã số ĐVQHNS dùng cho các dự án đầu tư ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư; Bản sao hợp lệ Quyết định hoặc Văn bản thông báo của cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

B. Tờ khai đăng ký mã số ĐVQHNS dùng cho các dự án đầu tư ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư; Quyết định đầu tư dự án.

C. Tờ khai đăng ký mã số ĐVQHNS dùng cho các dự án đầu tư ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư; Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với các dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

**Đáp án: A.** Theo quy định tại khoản 2, Điều 8, Thông tư 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính.

**Câu 29. Thời hạn quy định cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý, sử dụng tài sản lập báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công hàng năm gửi cơ quan quản lý cấp trên:**

A. Trước 31/12 hàng năm.

B. Trước 31/01 hàng năm.

C. Trước 15/02 hàng năm

**Đáp án: B.** Theo quy định tại khoản 2 Điều 130, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

**Câu 30. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nộp phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính đã được quy định (nếu có) theo các phương thức nào sau đây?**

A. Trực tiếp nộp hoặc chuyển vào tài khoản phí, lệ phí của cơ quan có thẩm quyền hoặc trực tuyến thông qua chức năng thanh toán phí, lệ phí của Hệ thống thông tin một cửa điện tử của các bộ, ngành, địa phương

B. Trực tiếp nộp hoặc chuyển vào tài khoản của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích để chuyển cho cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tuyến.

C. Cả hai phương thức trên.

**Đáp án C.** Theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 31. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn việc nộp phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính bằng phương thức khác (ngoài các phương thức quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP) trong trường hợp nào?**

- A. Nếu được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.
- B. Nếu được cơ quan giải quyết thủ tục hành chính đồng ý.
- C. Nếu được người đứng đầu Bộ phận Một cửa đồng ý.

**Đáp án A.** Theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 32. Theo Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ quy định các cá nhân, hộ gia đình nào sau đây không phải đăng ký hộ kinh doanh?**

- A. Hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối.
- B. Những người bán hàng rong, quà vặt, buôn chuyên, kinh doanh lưu động, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký, trừ trường hợp kinh doanh các ngành, nghề có điều kiện.
- C. Cả 2 ý trên.

**Đáp án: C.** Theo quy định tại Điều 79 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

**Câu 33. Khi chấm dứt hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh phải gửi thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký, kèm theo thông báo phải có các giấy tờ nào sau đây?**

- A. Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.
- B. Thông báo về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của Cơ quan thuế.
- C. Cả 2 phương án trên.

**Đáp án C.** Theo quy định tại Khoản 1 Điều 92 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

**Câu 34. Theo Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 của huyện Ia Grai, mục tiêu cải cách tài chính công đến năm 2025?**

- A. Có tối thiểu 10% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.
- B. Có tối thiểu 15% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.
- C. Có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.

**Đáp án: C.** Theo quy định tại khoản 2, mục III, Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai

**Câu 35. Theo Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 của huyện Ia Grai, mục tiêu cải cách tài chính công đến năm 2030?**

A. Giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.

B. Giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.

C. Có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.

**Đáp án: A.** Theo quy định tại khoản 2, mục III, Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai

**Câu 36. Trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh Gia Lai, thời hạn giải quyết dịch vụ công trực tuyến “Đăng ký thành lập hộ kinh doanh” là bao nhiêu ngày ?**

A. 7 ngày làm việc

B. 5 ngày làm việc

C. 3 ngày làm việc

**Đáp án: C.** Theo quy định tại Khoản 3 Điều 87 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

**Câu 37. Theo ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ, cơ quan nào có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công khai thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ trực tiếp tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương**

A. UBND cấp xã

B. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

C. UBND cấp huyện

**Đáp án B:** Theo khoản 2 Điều 13 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ Hướng dẫn về Nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính

**Câu 38: Theo anh, chị có bao nhiêu nguyên tắc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính?**

A. 5 nguyên tắc

B. 6 nguyên tắc

C. 7 nguyên tắc

**Đáp án C.** Theo Điều 4 Nghị định Số: 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

**Câu 39. Hiện nay, cơ chế một cửa, một cửa liên thông thực hiện theo quy định tại văn bản nào sau đây?**

A. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018.

B. Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018.

C. Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015.

**Đáp án A.** Nghị định Số: 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

**Câu 40. Theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, Bộ phận một cửa được giải thích như thế nào?**

A. Là tên gọi chung của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết hoặc chuyển hồ sơ giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.



B. Là nơi hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết hoặc chuyển hồ sơ giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

C. Là tên gọi chung của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết hoặc chuyển hồ sơ giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

**Đáp án C.** Theo Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ

**Câu 41. Theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính được giải thích như thế nào?**

A. Là nhận xét, kết luận của cơ quan có thẩm quyền về chất lượng và tiến độ thực hiện việc hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cán bộ, công chức, viên chức thực hiện.

B. Là nhận xét, kết luận của cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân về chất lượng và tiến độ thực hiện việc hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ phận Một cửa, cán bộ, công chức, viên chức thực hiện và cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.

C. Là nhận xét, kết luận của tổ chức, cá nhân về chất lượng và tiến độ thực hiện việc hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cán bộ, công chức, viên chức thực hiện.

**Đáp án B.** Theo Khoản 7 Điều 3 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ

**Câu 42. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ phải tuân thủ nguyên tắc nào sau đây?**

A. Giải quyết thủ tục hành chính kịp thời, nhanh chóng, thuận tiện, đúng pháp luật, công bằng, bình đẳng, khách quan, công khai, minh bạch và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có thẩm quyền.

B. Quá trình giải quyết thủ tục hành chính được đơn độc, kiểm tra, theo dõi, giám sát, đánh giá bằng các phương thức khác nhau trên cơ sở đầy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và có sự tham gia của tổ chức, cá nhân.

C. Cả 02 nguyên tắc trên.

**Đáp án C.** Theo Khoản 3,4 Điều 4 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 43. Theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, nguyên tắc nào sau đây là nguyên tắc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông?**

A. Giải quyết thủ tục hành chính kịp thời, nhanh chóng, thuận tiện, đúng pháp luật, công bằng, bình đẳng, khách quan, công khai, minh bạch và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có thẩm quyền.

B. Gây khó khăn, những nhiễu khi giải quyết thủ tục hành chính.

C. Tự cân đối thu chi, đảm bảo hoạt động của cơ quan, đơn vị.

**Đáp án A.** Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 44. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại trụ sở Bộ phận Một cửa và tại cơ quan có thẩm quyền không được thực hiện hành vi sau đây?**

A. Quản lý tập trung, thống nhất việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

B. Từ chối thực hiện, kéo dài thời gian giải quyết thủ tục hành chính hoặc tự ý yêu cầu bổ sung hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật.

C. Ứng xử, giao tiếp phù hợp với quy định của pháp luật về văn hóa công sở.

**Đáp án B.** Theo Điểm đ khoản 1 Điều 5 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Câu 45. Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn hình thức nào sau đây khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích?**

A. Gửi hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính hoặc nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

B. Gửi hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

C. Cả hai hình thức trên.

**Đáp án C.** Theo Điều 5 Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ

**Câu 46. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, quy định ai là người có thẩm quyền phê duyệt danh sách nhân sự cử đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện?**

A. Phó Chủ tịch UBND cấp huyện phụ trách lĩnh vực.

B. Chánh Văn phòng HĐND, UBND cấp huyện.

C. Chủ tịch UBND cấp huyện.

**Đáp án C.** Theo Khoản 3 Điều 7 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn Phòng Chính phủ.

**Câu 47. Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, quy định quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết cấp tỉnh, huyện, xã do cơ quan nào kiểm soát hình thức, nội dung trước khi trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt?**

A. Phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản QPPL - Sở Tư pháp.

B. Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính - Văn phòng UBND tỉnh.

C. Phòng Cải cách hành chính - Sở Nội vụ.

**Đáp án B.** Theo Điểm b Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ

**Câu 48. Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích không điều chỉnh nội dung nào sau đây?**

A. Việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

B. Việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đối với thủ tục hành chính yêu cầu tổ chức, cá nhân không được ủy quyền và phải có mặt trực tiếp để giải quyết.

C. Trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính lựa chọn doanh nghiệp bưu chính không phải là doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích để chuyển phát hồ sơ đến cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước giải quyết thủ tục hành chính.

**Đáp án B.** Theo Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ

**Câu 49. Theo Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về ban hành quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Gia Lai: Đầu là tài khoản thư điện tử công vụ của Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai?**

A. ubndiagrai@gialai.gov.vn

B. ubndpleiku@gialai.gov.vn

C. uybannhandaniagrai@gialai.gov.vn

**Đáp án: A** Theo điểm b, khoản 1, điều 4, Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của UBND tỉnh Gia Lai.

**Câu 50. Theo Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về ban hành quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Gia Lai: Đầu là cấu trúc tài khoản thư điện tử công vụ tỉnh Gia Lai cấp cho cá nhân thuộc huyện Ia Grai?**

A. <tên đầy đủ, họ viết tắt, chữ lót viết tắt>.@gialai.gov.vn

B. <tên đầy đủ, họ viết tắt, chữ lót viết tắt>.@gmail.com.vn

C. <tên đầy đủ, họ viết tắt, chữ lót viết tắt>.iagrai@gialai.gov.vn

**Đáp án C** Theo Khoản 2, Điều 4, Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của UBND tỉnh Gia Lai.

**Câu 51. Theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về Ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai: Thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản điện tử đối với văn bản hành chính được thực hiện theo quy định tại văn bản nào sau đây?**

A. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

B. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP;

C. Cả a và b đều đúng.

**Đáp án: B** Theo Điểm b, khoản 2, Điều 4, Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND tỉnh Gia Lai.

**Câu 52. Theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng**

**Hệ thống thông tin Một cửa điện tử và Cổng Dịch vụ công tỉnh Gia Lai: Tổ chức, cá nhân tra cứu tình trạng giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính bằng thông tin gì?**

- A. Mã số hồ sơ (được cung cấp trên Giấy biên nhận hồ sơ).
- B. Họ và tên đầy đủ của người thực hiện thủ tục hành chính.
- C. Số điện thoại, chứng minh nhân dân/Căn cước công dân của người thực hiện thủ tục hành chính.

**Đáp án: A** Theo Khoản 3, Điều 8, Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND tỉnh Gia Lai.

**Câu 53. Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030: Mục tiêu đề ra đối với nội dung “Phát triển xã hội số” đến năm 2025: Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt bao nhiêu %?**

- A. Trên 40%.
- B. Trên 50%.
- C. Trên 60%.

**Đáp án: B** Theo Gạch đầu dòng thứ bảy, điểm a, khoản 2, mục III, Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

**Câu 54. Chọn đáp án chính xác nhất: Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích: Áp dụng đối với đối tượng nào sau đây?**

A. Các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước giải quyết thủ tục hành chính (sau đây gọi là cơ quan có thẩm quyền); Tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân).

B. Tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân); Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật bưu chính.

C. Các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước giải quyết thủ tục hành chính (sau đây gọi là cơ quan có thẩm quyền); Tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân); Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật bưu chính.

**Đáp án: C** Theo Điều 2, Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

**Câu 55. Theo quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích: Việc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện trong trường hợp nào?**

A. Trường hợp hồ sơ thủ tục hành chính được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết xong thì nhân viên bưu chính nhận kết quả để chuyển phát tới địa chỉ của tổ chức, cá nhân.

B. Trong trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu gửi trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thì nhân viên bưu chính nhận kết quả để chuyển phát theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

C. cả a và b đều sai.

**Đáp án: B** Theo điểm a, khoản 1, Điều 9, Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

**Câu 56. Theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng: Dịch vụ hành chính công là gì?**

A. Dịch vụ hành chính công là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, không nhằm mục tiêu lợi nhuận, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức các loại giấy tờ có giá trị pháp lý hoặc dưới hình thức thông báo kết quả thực hiện trong các lĩnh vực mà cơ quan nhà nước đó quản lý. Mỗi dịch vụ hành chính công gắn liền với một hoặc một số thủ tục hành chính để giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến tổ chức, cá nhân.

B. Dịch vụ hành chính công là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức các loại giấy tờ có giá trị pháp lý hoặc dưới hình thức thông báo kết quả thực hiện trong các lĩnh vực mà cơ quan nhà nước đó quản lý.

C. Cả a và b đều đúng.

**Đáp án: A** Theo Khoản 4, Điều 3, Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

**Câu 57. Theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng: quy định cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo mấy mức độ, là các mức độ nào?**

A. Có 4 mức độ. Gồm: Dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, mức độ 2, mức độ 3, mức độ 4.

B. Có 2 mức độ: “Dịch vụ công trực tuyến toàn trình” và “Dịch vụ công trực tuyến một phần”.

C. Cả a và b đều đúng.

**Đáp án: B** Theo Khoản 1, Điều 11, Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

**Câu 58. Cổng thông tin điện tử huyện Ia Grai có địa chỉ là gì?**

A. <https://iagrai.gialai.gov.vn>

B. <https://iagraigialai.gov.vn>

C. <https://iagrai@gialai.gov.vn>

**Đáp án: A** Theo điểm c, khoản 4, Điều 6, Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

**Câu 59. Tài khoản Zalo Official Account (Zalo OA) của huyện Ia Grai có tên là gì?**

A. “Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai”.


B. “UBND huyện Ia Grai”.

C. “UBND huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai”.

**Đáp án: B** theo tên được Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với công ty VNG (Zalo) cấp

**Câu 60. Để truy cập và theo dõi Tài khoản Zalo Official Account của huyện Ia Grai, bạn cần làm gì?**



- A. Sử dụng ứng dụng Zalo Quét mã QR  và nhấn “Quan tâm”:  
B. Truy cập đường dẫn Official Account: [zalo.me/3218658560054708183](https://zalo.me/3218658560054708183) , và nhấn “Quan tâm”.

C. Cả a và b đều đúng.

**Đáp án C.** Người dự thi cần trực tiếp thực hiện theo các đáp án và đưa ra câu trả lời đúng.